

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 21/01/2010.

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đ (Một trăm tỷ đồng).
- Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 39435447

Fax : (84-08) 39435466

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, TP. Hải Phòng.

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 2 2 4 1 6

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0 3 1 3 9 7 9 9 4 6

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 5 9 0 0 7

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 39435440

Fax : (84-8) 39435441

Mã số thuế : 0 3 0 3 9 0 1 7 3 3

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 7 5 7 5

Điện thoại : (84 4) 39331199

Fax : (84 4) 39331919

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh:

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 38267654

Fax : (84 - 08) 39435498

Mã số thuế : 0310316130

- Hoạt động chính của Công ty: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Sự kiện sau ngày kết thúc sau niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Tên Thành viên</u>	<u>Chức vụ</u>
1.	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
2.	Ông Phùng Văn Quang	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Thành Chương	Ủy viên
4.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
6.	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Nguyễn Thành Chương Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hưng Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG – Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.802.174.042	73.352.000.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	53.275.318.013	38.225.431.179
1. Tiền	111		7.928.821.346	5.625.431.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.346.496.667	32.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.476.064.819	32.475.863.859
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	33.012.389.796	32.038.414.987
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	970.000.000	-
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	540.175.023	483.948.872
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.500.000)	(46.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.050.791.210	2.650.705.341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	1.034.448.469	1.458.845.048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	15.981.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		49.637.067	10.875.380
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	1.966.705.674	1.165.003.854
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.820.168.922	100.301.843.813
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		40.068.304.831	43.459.477.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	38.948.304.831	42.339.477.958
<i>Nguyên giá</i>	222		68.669.114.369	69.743.191.598
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.720.809.538)	(27.403.713.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	1.120.000.000	1.120.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.137.000.000	1.137.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.9	49.346.539.062	53.474.330.892
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		42.046.539.062	46.174.330.892
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.300.000.000	7.300.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.405.325.029	3.368.034.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	393.714.251	163.498.185
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	310.646.778	310.646.778
4. Lợi thế thương mại	269		2.700.964.000	2.893.890.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		183.622.342.964	173.653.844.192

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

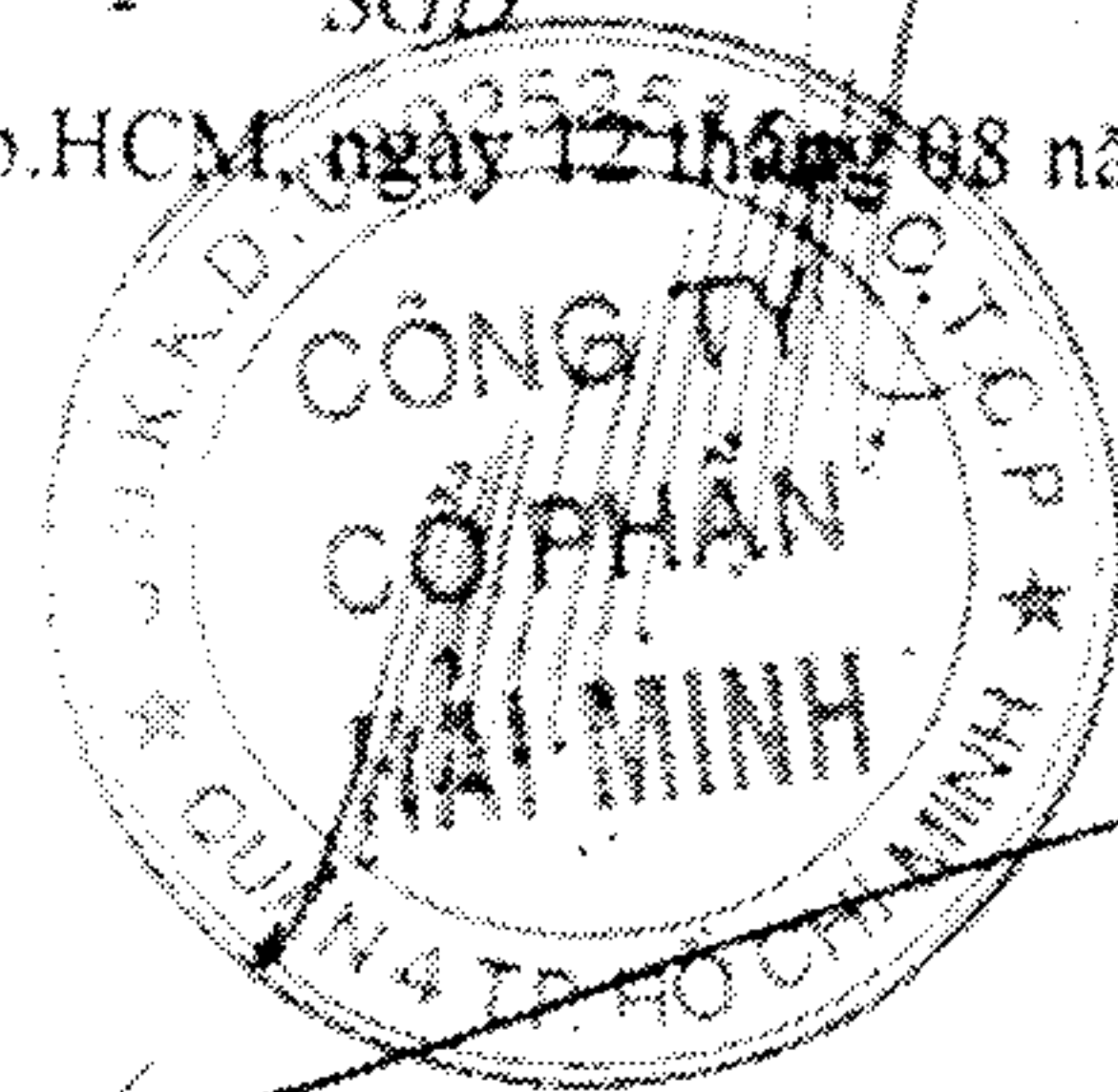
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		29.022.911.003	26.503.973.714
I. Nợ ngắn hạn	310		28.193.780.833	25.537.525.374
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	185.412.281	-
2. Phải trả người bán	312	VI.13	17.009.769.419	16.976.294.521
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	261.040.317	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	4.642.803.644	3.216.912.212
5. Phải trả người lao động	315		2.268.225.422	469.842.328
6. Chi phí phải trả	316		-	32.972.272
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318	VI.16	1.742.176.105	3.734.182.896
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.084.353.645	1.107.321.145
II. Nợ dài hạn	330		829.130.170	966.448.340
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333	VI.17	186.308.146	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.18	432.623.971	747.670.287
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		210.198.053	218.778.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.599.431.961	147.149.870.478
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.19	151.313.905.516	143.869.141.816
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.163.800.000	56.163.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.339.670.000	19.339.670.000
3. Cổ phiếu quỹ	413		(4.571.898.630)	(1.901.520.795)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	7.492.877
5. Quỹ đầu tư phát triển	416		2.051.360.115	2.051.360.115
6. Quỹ dự phòng tài chính	417		3.168.311.136	2.011.911.136
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419		75.162.662.895	66.196.428.483
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		3.285.526.445	3.280.728.662
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		183.622.342.964	173.653.844.192

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		181.508,81	90.027,54
- SGD		402,18	2.508,00

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011
(Có so sánh với số liệu 6 tháng đầu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	57.855.289.852	51.256.304.307
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.855.289.852	51.256.304.307
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	42.515.429.559	41.589.198.184
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.339.860.293	9.667.106.123
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2.763.475.182	3.166.135.681
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	153.055.225	460.138.549
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		27.895.721	29.828.241
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24	VII.5	4.918.170.229	4.195.888.588
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.032.110.021	8.177.214.667
10 Thu nhập khác	31	VII.6	1.438.181.818	124.846.806
11 Chi phí khác	32	VII.7	253.668.603	45.492.534
12 Lợi nhuận khác	40		1.184.513.215	79.354.272
13 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		11.027.908.170	9.584.564.406
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.244.531.406	17.841.133.345
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VII.8	3.631.311.934	2.245.024.908
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.613.219.472</u>	<u>15.596.108.437</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>			213.053.078	173.267.513
<i>Lợi ích Công ty Mẹ</i>			21.400.166.394	15.422.840.924
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			5.524.420	5.438.790
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VII.9		<u>3.912,31</u>	<u>2.836,00</u>

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG
Giám đốc


NGUYỄN THẾ HƯNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

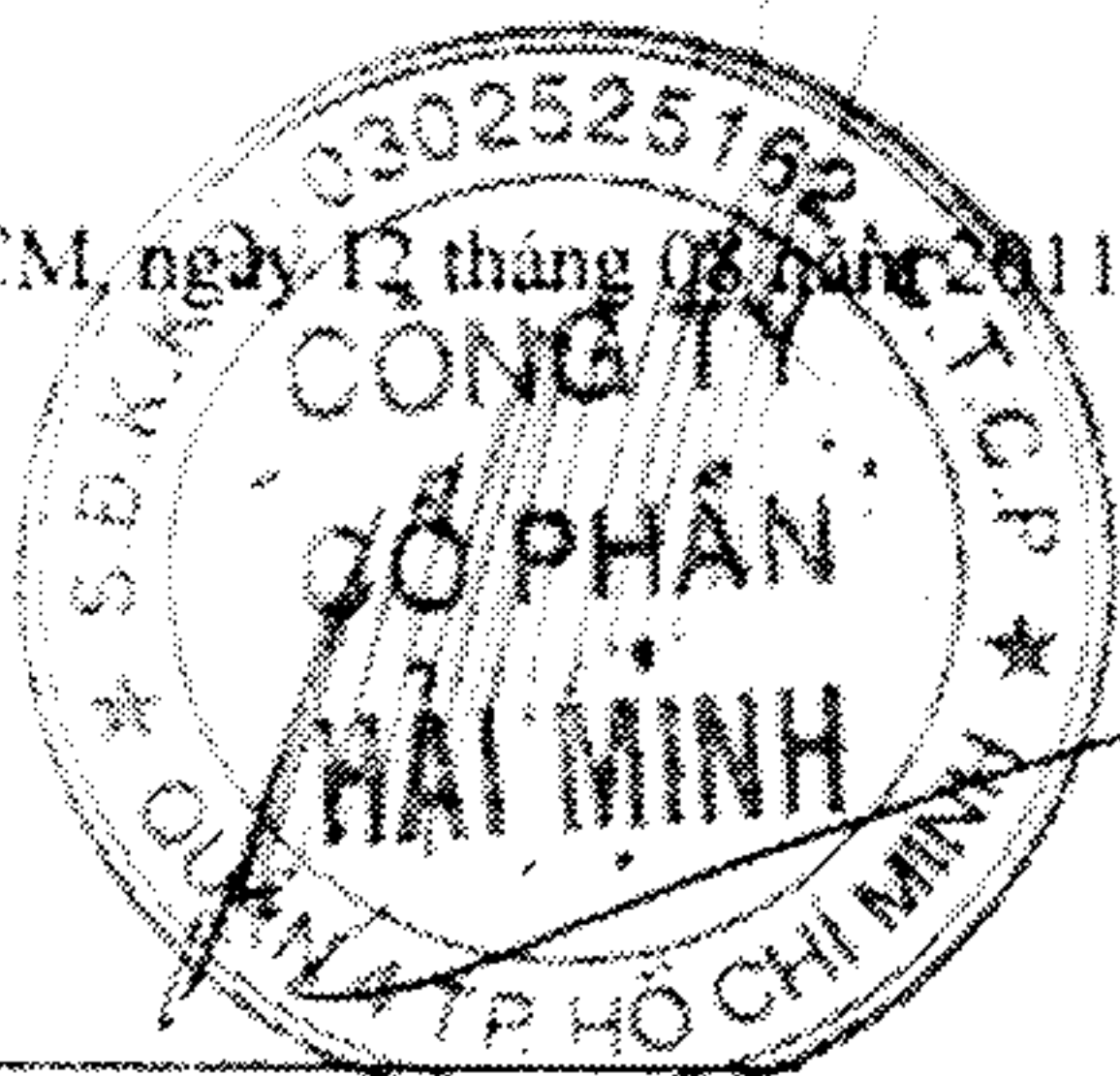
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		25.244.531.406	17.841.133.346
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.788.525.387	4.167.539.484
- Các khoản dự phòng	03		-	(991.457.998)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		61.908.397	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.955.101.100)	(3.166.135.681)
- Chi phí lãi vay	06		27.895.721	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		12.167.759.811	17.851.079.151
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.631.757.408)	(7.127.450.768)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	265.534.500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập phải nộp)	11		(11.498.667.894)	7.082.401.836
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		194.180.513	(672.759.932)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27.895.721)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		2.207.279.979	(755.341.795)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(422.912.678)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		410.899.280	16.220.550.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.446.696.361)	(5.106.062.955)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.438.181.818	124.545.454
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		4.127.791.830	(2.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.415.810.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.004.445.201	3.166.135.681
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		22.123.722.488	600.428.180
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.670.377.835)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		185.412.281	896.266.623
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(370.614.506)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.559.753.600)	(11.232.760.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(7.415.333.660)	(10.336.493.377)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.119.288.108	6.484.485.117
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.225.431.179	24.424.234.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(69.401.274)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	53.275.318.013	30.908.719.389

Tp HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản Xuất – Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 30/06/2011 là: 20.618 VND/USD.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.566.713.850	693.917.631
Tiền VND	1.498.033.531	620.737.285
SGD quy đổi VND	6.661.375	24.124.548
USD quy đổi VND	62.018.944	49.055.798
Tiền gửi ngân hàng	51.708.604.163	37.531.513.548
Tiền VND	2.681.777.814	3.209.549.682
Tiền USD quy đổi sang VND	3.680.329.682	1.721.963.866
Các khoản tương đương tiền	45.346.496.667	32.600.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	53.275.318.013	38.225.431.179

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty LD Khai thác container Việt Nam - CN TP HCM	582.812.555	816.286.526
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam ("K" Line TP HCM)	2.976.936.921	1.876.993.999
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	2.316.662.050	4.273.171.500
Công ty TNHH HANJIN SHIPPING VIETNAM	1.358.656.992	1.453.530.000
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	1.512.774.000	1.214.421.000
Công ty Vinabridge Ltd.	861.861.460	1.008.579.200
Công ty CP Hàng Hải Nam Dương	642.735.500	609.083.640
Công ty LD Khai thác Container Việt Nam	391.635.022	4.705.028.345
Công ty LD Đại lý Vận tải Cosfi	437.211.721	266.350.000
Công ty LD đại lý Vận tải Cosfi - CN Hải Phòng	464.143.320	224.847.200
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	650.082.006	-
Công ty TNHH Thương mại DV Hàng hải KTA VN	7.186.633.201	5.945.028.000
Công ty CP Phát triển Việt Nam	856.306.484	193.596.071
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	846.653.910	973.916.770
Công ty TNHH Dịch vụ Vận chuyển Sài Gòn	495.081.145	422.166.835
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh (KMG)	505.606.895	537.014.715
Chi nhánh Công ty TNHH CJ GLS (VN) Freight tại Hà Nội	1.850.337.066	91.294.999
Công ty khác	9.076.259.548	6.713.955.537
Cộng	<u>33.012.389.796</u>	<u>32.038.414.987</u>

3. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH MTV XD TM Hưng Thịnh Phát	<u>970.000.000</u>	-
Cộng	<u>970.000.000</u>	<u>-</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH	-	11.161.913
Teguh Basuseto	-	67.183.000
Cán bộ công nhân viên	-	118.862.957
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.183.000
Công ty CP TM -VT & DV Biển Đông	173.146.000	-
Bảo hiểm y tế	22.357.120	8.185.400
Phải thu của người lao động	127.894.684	-
Công ty TNHH NYK "Line Việt Nam - CN HN	-	3.212.000
Phải thu khác	216.777.219	208.160.602
Cộng	<u>540.175.023</u>	<u>483.948.872</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào phí	Giảm khác	Số cuối kỳ
Phí bảo hiểm	179.830.130	13.270.000	134.189.820	-	58.910.310
Chi phí thuê văn phòng	302.563.616	496.284.109	603.071.268	195.776.457	-
Công cụ dụng cụ	935.926.119	1.871.541.856	1.865.837.636	4.430.545	937.199.794
Vỏ xe	40.525.183	4.436.364	26.679.000	-	18.282.547
Chi phí thuê văn phòng và tiền điện nước	-	98.054.346	98.054.346	-	-
Chi phí khác	-	85.269.177	65.213.359	-	20.055.818
Cộng	1.458.845.048	2.568.855.852	2.793.045.429	200.207.002	1.034.448.469

6. Tài sản ngắn hạn khác

Ông Phan Khánh	137.252.301	133.752.301
Ông Nguyễn Thành Trung	118.612.147	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga	100.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Hoàng	220.000.000	150.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Đào	141.378.782	217.362.303
Ông Phạm Tuấn Bình	74.466.525	110.253.249
Ông Lê Tất Đạt	268.264.248	670.000
Bà Đào Thị Hồng Hạnh	104.553.000	-
Cá nhân khác	802.178.671	163.490.819
Cộng	1.966.705.674	1.165.003.854

7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình
I Nguyên giá					
1 Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	43.901.140.392	600.783.633	69.743.191.598
2 Tăng trong kỳ	-	-	1.372.313.634	74.382.727	1.446.696.361
3 Giảm trong kỳ	-	-	2.519.763.489	1.010.101	2.520.773.590
4 Số cuối kỳ	17.610.397.821	7.630.869.752	42.753.690.537	674.156.259	68.669.114.369
II Hao mòn lũy kế					
1 Số đầu năm	5.911.672.835	4.378.464.359	16.666.907.276	446.669.170	27.403.713.640
2 Tăng trong kỳ	852.284.532	631.461.366	3.191.187.997	113.591.492	4.788.525.387
- Do mua sắm	-	-	1.698.637.383	88.004.435	1.786.641.818
3 Giảm trong kỳ	-	-	2.471.429.489	-	2.471.429.489
4 Số cuối kỳ	6.763.957.367	5.009.925.725	17.386.665.784	560.260.662	29.720.809.538
III Giá trị còn lại					
1 Số đầu năm	11.698.724.986	3.252.405.393	27.234.233.116	154.114.463	42.339.477.958
2 Số cuối kỳ	10.846.440.454	2.620.944.027	25.367.024.753	113.895.597	38.948.304.831

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chi tiêu	Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính		Quyền sử dụng đất	Cộng tài sản vô hình
I Nguyên giá				
1 Số đầu năm	17.000.000		1.120.000.000	1.137.000.000
2 Tăng trong kỳ	-		-	-
3 Giảm trong kỳ	-		-	-
4 Số cuối kỳ	17.000.000		1.120.000.000	1.137.000.000
II Hao mòn lũy kế				
1 Số đầu năm	17.000.000		-	17.000.000
2 Tăng trong kỳ	-		-	-
3 Giảm trong kỳ	-		-	-
4 Số cuối kỳ	17.000.000			17.000.000
III Giá trị còn lại				
1 Số đầu năm	-		1.120.000.000	1.120.000.000
2 Số cuối kỳ	-		1.120.000.000	1.120.000.000

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	42.046.539.062	46.174.330.892
Đầu tư dài hạn khác	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	49.346.539.062	53.474.330.892

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển		Số cuối kỳ
			vào phí	Tăng khác	
Máy bơm thủy lực	31.056.142	-	7.764.036		23.292.106
Máy vi tính (15 Máy)	102.122.477	-	21.128.788		80.993.689
Thuê văn phòng	-	-		195.776.457	195.776.457
Vỏ xe	-	67.999.999	9.760.000		58.239.999
Chi phí sửa xe	1.887.566	21.620.000	5.487.566		18.020.000
Phần mềm GPS	5.870.000	-	2.940.000		2.930.000
Chi phí trang trí nội thất Văn phòng	22.562.000	-	8.100.000		14.462.000
Cộng	163.498.185	89.619.999	55.180.390	195.776.457	393.714.251

11. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	305.646.778	305.646.778
Ký quỹ dịch vụ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Cộng	310.646.778	310.646.778

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tăng Trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
NH TMCP Kỹ thương VN - CN HP (EUR) Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010	-	185.412.281	-	185.412.281
Cộng	-	185.412.281	-	185.412.281

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Phát triển Hàng Hải - CN Vũng Tàu	453.600.000	257.488.000
Dongbu Express	-	1.462.849.960
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	8.463.417.585	10.068.571.023
Công ty TNHH Cảng Phước Long	605.311.225	-
Công ty TNHH Tân Cảng Sài Gòn	2.598.142.967	-
Các khoản phải trả khác	1.085.192.822	133.872.725
Các nhà cung cấp khác	153.760.000	-
Công ty CP Hàng Hải Nam Dương	-	708.496.800
Công ty CP Vận tải và cung Ứng xăng Dầu	-	198.029.132
Công ty LD Khai thác Container VN	-	2.615.500.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam CN Hải Phòng	110.193.500	104.120.000
Công ty CP Tân cảng 128 Hải Phòng	295.736.628	252.703.071
Công ty CP Thiên An (TACO)	185.891.697	141.919.560
Công ty CP Vận tải & Cung ứng xăng dầu	154.611.944	112.007.840
Công ty LD khai thác Container Việt Nam	1.608.702.627	104.752.071
Hợp tác xã Thành Công	285.825.993	224.137.840
Công ty khác	1.009.382.431	591.846.499
Cộng	17.009.769.419	16.976.294.521

14. Người mua trả trước

261.040.317

SAMUDERA SHIPPING LINE LTD ứng trước tiền vận tải

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

15. Thuế và các khoản phải nộp khác

Stt	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm/kỳ	Số đã nộp trong năm/kỳ	Số cuối kỳ
I Thuế	3.202.451.434	6.757.354.035	5.370.224.290	4.589.581.179
1 Thuế GTGT hàng bán nội địa	307.566.505	2.211.007.564	2.230.061.413	288.512.656
Công ty Cổ phần Hải Minh	85.142.096	535.594.807	535.799.854	84.937.049
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	16.090.912	190.620.152	163.987.637	42.723.427
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng(*)	62.900.303	691.685.022	802.618.541	(48.033.216)
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	143.433.194	793.107.583	727.655.381	208.885.396
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.656.327.035	3.631.311.934	2.207.279.979	4.080.358.990
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.083.611.311	1.652.241.286	1.248.940.249	1.486.912.348
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	51.900.841	69.522.920	51.889.841	69.533.920
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	428.056.391	894.877.711	428.056.397	894.877.705
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	1.092.758.492	1.014.670.017	478.393.492	1.629.035.017
3 Thuế nhà thầu	38.217.733	151.537.900	169.718.692	20.036.941
Công ty Cổ phần Hải Minh	38.217.733	151.537.900	169.718.692	20.036.941
4 Thuế thu nhập cá nhân	203.340.161	751.996.637	754.664.206	200.672.592
Công ty Cổ phần Hải Minh	107.555.454	642.503.107	565.784.679	184.273.882
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	53.362.025	15.651.886	69.561.154	(547.243)
Tại TP HCM	61.237.405	-	60.180.797	1.056.608
Tại Hải Phòng(*)	(7.875.380)	15.651.886	9.380.357	(1.603.851)
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	40.878.475	34.740.080	64.486.385	11.132.170
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	1.544.207	59.101.564	54.831.988	5.813.783
5 Thuế môn bài (*)	(3.000.000)	11.500.000	8.500.000	-
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	3.000.000	3.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	-	2.500.000	2.500.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	(3.000.000)	3.000.000	-	-
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải				
II nộp khác	3.585.398	1.154.220	1.154.220	3.585.398
Công ty Cổ phần Hải Minh	-	1.154.220	1.154.220	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	3.585.398	-	-	3.585.398
Tổng cộng	3.206.036.832	6.758.508.255	5.371.378.510	4.593.166.577

(*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	154.656.947	119.751.214
Bảo hiểm xã hội	37.679.924	56.079.324
Bảo hiểm y tế	6.907.438	8.917.838
Lợi nhuận phải trả Công ty <i>TTK Global Resources Pte Ltd</i>	201.896.899	-
Công ty CP Đầu Tư Và Phát triển dịch vụ dầu khí	185.385.909	211.436.966
Khoản phải trả phải nộp khác		1.050.374.862
Bảo hiểm Thất nghiệp	237.600	479.200
Phạt chậm nộp tờ khai hải quan	-	2.050.973.000
Khoản phải trả phải nộp khác	1.155.411.388	236.170.492
Cộng	<u>1.742.176.105</u>	<u>3.734.182.896</u>

17. Phải trả, phải nộp dài hạn khác

Nhận tiền ký cược từ PENDULUM Express Lines theo HD đại lý	186.308.146	
Cộng	<u>186.308.146</u>	

18. Vay và nợ dài hạn

Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng trong kỳ</u>	<u>Số giảm trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá lỗ cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
NH TMCP Kỹ thương VN - CN HP (EUR) Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010	747.670.287	-	370.614.506	55.568.190	432.623.971
Cộng	<u>747.670.287</u>	<u>-</u>	<u>370.614.506</u>	<u>55.568.190</u>	<u>432.623.971</u>

Chi tiết khoản vay:

Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010

Số tiền vay hạn mức : 63500 EUR

Mục đích vay : Thanh toán tiền cho nhà cung cấp đầu vào mua 02 xe ô tô đầu kéo sơ mi rơ mooc.

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

Lãi suất vay : 10%/năm

Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Hợp đồng vay ở trên là Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 4087 ngày 11/02/2010:

Số tiền vay : 38.000 EUR

Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu xe nâng Kalmar theo LC số TF 0932101003/HPG mở ngày 17/11/2009.

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày 11/02/2010 đến 11/02/2013.

Lãi suất vay : 10%/năm.

Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

19. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	1.765.160.115	1.361.911.136	51.838.129.947	16.456.246	130.485.127.444
Tăng vốn trong năm trước	-	-	(1.901.520.795)	-	-	-	-	(1.901.520.795)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	34.691.869.980	-	34.691.869.980
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	7.492.877	7.492.877
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	286.200.000	650.000.000	-	-	936.200.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(20.333.571.444)	(16.456.246)	(20.350.027.690)
Số dư cuối năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	66.196.428.483	7.492.877	143.869.141.816
Số dư đầu năm nay	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	66.196.428.483	7.492.877	143.869.141.816
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	21.400.166.394	-	21.400.166.394
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	(8.446.924.302)	-	(8.446.924.302)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(3.987.007.679)	-	(2.830.607.679)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(7.492.877)	(7.492.877)
Số dư cuối năm nay	56.163.800.000	19.339.670.000	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	75.162.662.895	-	151.313.905.516

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.616.380	5.616.380
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.438.790	5.438.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	130.200	84.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	130.200	84.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.486.180	5.531.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.308.590	5.353.890
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590

(*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Công ty cổ phần Hải Minh	16.676.677.281	17.948.450.295
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	6.648.447.689	12.040.531.142
Khai thác cảng	4.837.173.442	5.009.167.332
Dịch vụ đại lý - Đại lý cho tàu container	5.110.829.277	547.719.969
Kinh doanh dịch vụ khác - Dịch vụ khác	80.226.873	351.031.852
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	4.194.643.085	3.681.369.058
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	19.992.053.089	18.113.967.284
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	16.991.916.397	11.512.517.670
Cộng	57.855.289.852	51.256.304.307

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Công ty cổ phần Hải Minh	10.634.033.928	15.106.456.018
<i>Vận tải đường sông</i>	<i>6.329.337.854</i>	<i>12.037.863.280</i>
<i>Khai thác cảng - Kiểm đếm, giao nhận</i>	<i>2.621.652.903</i>	<i>2.965.514.403</i>
<i>Vận tải đường sông</i>	<i>1.683.043.171</i>	<i>103.078.335</i>
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	3.338.706.397	3.226.853.312
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	16.174.500.490	14.305.601.184
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	12.368.188.744	8.950.287.670
Cộng	42.515.429.559	41.589.198.184

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.758.316.034	2.678.062.228
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.270.493.417	605.595.847
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	425.914.220	363.746.381
Đầu tư chứng khoán	-	1.641.220.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	61.908.397	-
Khác	-	67.500.000
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	31.776.158	64.560.559
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	663.002.649	193.291.091
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	310.380.341	230.221.803
Cộng	2.763.475.182	3.166.135.681

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	68.542.613	117.222.878
Đầu tư chứng khoán	-	93.791.760
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	55.160.519	23.431.118
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.382.094	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	-	51.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	83.463.911	329.068.451
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	1.048.701	13.796.220
Cộng	153.055.225	460.138.549

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
Công ty Cổ phần Hải Minh	2.419.912.215	1.834.841.639
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	<i>894.075.021</i>	<i>484.977.354</i>
<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	<i>43.647.750</i>	<i>43.881.450</i>
<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	<i>52.188.475</i>	<i>107.830.396</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	<i>88.004.435</i>	<i>24.200.478</i>
<i>Thuế, phí, lệ phí</i>	<i>22.156.659</i>	<i>20.250.345</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>955.050.180</i>	<i>551.689.096</i>
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	<i>364.789.695</i>	<i>602.012.520</i>
Công ty TNHH Tiếp Vận Hoàng Nam	608.554.758	570.231.623
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	845.476.214	814.359.453
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	1.044.227.042	976.455.873
Cộng	4.918.170.229	4.195.888.588

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.220.000.000	124.846.806
Thanh lý tài sản cố định	1.220.000.000	124.545.454
Khác	-	301.352
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	218.181.818	-
Cộng	1.438.181.818	124.846.806

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	205.334.603	44.904.529
Thanh lý tài sản cố định	205.334.603	-
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	<i>-</i>	<i>44.904.529</i>
Công ty Tiếp Vận Nam Phát	48.334.000	588.005
Cộng	253.668.603	45.492.534

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định và tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2011
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	36.180.963.979
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế.</i>	<i>154.245.633</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế.</i>	<i>21.783.735.028</i>
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.	14.563.794.869
<i>Thu nhập chịu thuế ở mức thuế 25%</i>	<i>14.231.580.623</i>
<i>Thu nhập chịu thuế ở mức thuế 20%</i>	<i>332.214.246</i>
<i>Thuế suất 25%.</i>	<i>25%</i>
<i>Thuế suất 20%.</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ở mức thuế suất 25% trong kỳ.	1.912.627.799
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ở mức thuế suất 20% trong kỳ	66.442.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ.	3.631.311.934
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm.	3.631.311.934
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.524.420
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.613.219.472
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.912,31

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2011 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Chúng tôi có điều chỉnh một số chỉ tiêu chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số dư đầu năm nay	Chênh lệch
Tài sản				
Lợi thế thương mại	269	4.454.573.282	2.893.890.000	(1.560.683.282)
Cộng		4.454.573.282	2.893.890.000	(1.560.683.282)
Nguồn vốn				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	67.756.119.915	66.196.428.483	(1.559.691.432)
Lợi ít của cổ đông thiểu số	439	3.279.926.608	3.280.728.662	802.054
Thuế và các khoản phải trả cho nhà nước	314	3.218.706.116	3.216.912.212	(1.793.904)
Cộng		74.254.752.639	72.694.069.357	(1.560.683.282)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Phải thu			19.527.859.945
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	1.917.885.000
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	Công ty liên kết	Doanh thu giao nhận (thu hộ SAMUDERA)	10.843.739.917
Cộng			32.289.484.862

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 30/06/2011

Phải thu	3.667.006.921
Công ty tiếp vận Dongbu Hải Minh	690.070.000
C.ty TNHH "K" Line (Việt Nam) - "K" Line TP HCM	2.976.936.921

Tp.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN THÁNH CHƯƠNG

Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG

Kế toán trưởng